

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2020/HNGĐ-ST;

Ngày: 07/8/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Thủy;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Giang;

2/ Ông Đoàn Thanh Phong;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXX-ST ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc A** – sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Số 20 ấp K, xã H, Thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: **Nguyễn Thành B** – sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh B vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành B cưới nhau vào năm 2008 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/3/2011. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B thường xuyên rượu chè, say sấn về kiếm chuyện đánh và đuổi chị đi, dẫn đến rạn nứt về tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị và anh B đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh C - sinh ngày 12/7/2008, hiện cháu C đang sống với anh B. Khi ly hôn, chị đồng ý giao anh B tiếp tục được nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Thành B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

\* Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy việc mâu thuẫn giữa chị A và anh B là có thật, thời gian ly thân đã kéo dài, Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt, qua đó cho thấy anh B không muốn hàn gắn tình cảm với chị A nên yêu cầu của chị A là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đăng ký thường trú và sinh sống tại ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa chị A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh B không quan tâm gia đình, bất đồng quan điểm nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, qua đó cho thấy anh B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[5] Về con chung: Xét thấy cháu C đang sống ổn định với anh B, do đó việc chị A giao con cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu C nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng: Chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu C tròn 18 tuổi lao động được. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị A nên Tòa án ghi nhận.

[7] Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị A khai không có nên Tòa án không xem xét.

[9] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[10] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A.

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Thành B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 12/7/2008 cho anh Nguyễn Thành B được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh C mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu C tròn 18 tuổi lao động được. Bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003732 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, như vậy chị A đã thi hành xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với anh Nguyễn Thành B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

*(Đã ký)*

**Cao Thị Thu Thủy**